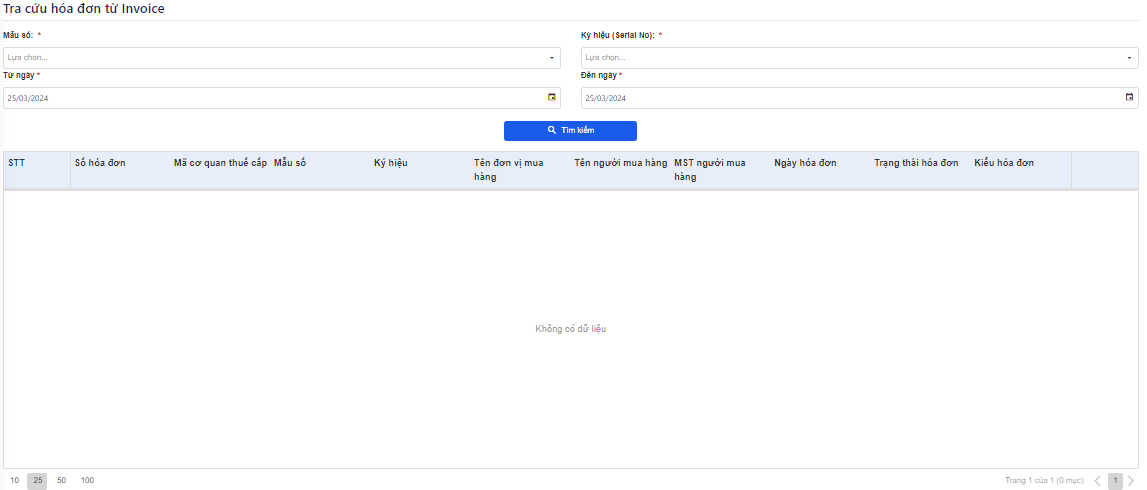
# Mô tả tóm tắt

* Cho phép người dùng xem và đồng bộ thông tin hóa đơn từ invoice về

# Yêu cầu giao diện

* Giao diện liệt kê



# Mô tả bảng dữ liệu

<https://app.diagrams.net/#G1Lz1YRBQBA5K4b5dqnNTFVSG6JPuSgGA3#%7B%22pageId%22%3A%22XBDpaktK9vYTPZwE32z-%22%7D>

# Tài liệu tích hợp Hóa đơn điện tử

<https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit?usp=sharing>

# Chức năng liệt kê

Tình huống sử dụng

Tình huống 1

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem thông tin tbss |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng |
| Thông tin đầu ra | Khi vào giao diện sẽ thực hiện kiểm tra:   * Trong bảng config\_invoices có tồn tại cus\_id của đơn vị mà người dùng đang chọn hay không? Nếu chưa thì thực hiện thông báo "Doanh nghiệp chưa được cấu hình hóa đơn điện tử, vui lòng thực hiện cấu hình thông tin kết nối Invoice". Bấm OK sẽ chuyển sang màn hình Kết nối hóa đơn điện tử <https://docs.google.com/document/d/1Xdd6U64d2OezaxyBlugRHvIYdbuxYiiJ/edit?usp=sharing&ouid=112220442291251445991&rtpof=true&sd=true> |

Tình huống 2

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem tbss |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Thông tin đầu vào tìm kiếm   * + Loại thông báo: ddl Tất cả/     - Thông báo hủy/giải trình theo người nộp thuế     - Thông báo hủy/giải trình theo thông báo của cơ quan thuế   + Trạng thái thông báo: ddl, Tất cả/     - chưa gửi     - đã gửi     - gửi lỗi     - không chấp nhận     - chấp nhận     - lỗi hệ thống     - chấp nhận một phần   + Từ ngày(\*): mặc định là từ ngày đầu tháng Đến ngày(\*): mặc định đến ngày hiện tại * Các nút chức năng trên form: Tìm kiếm; Tạo mới |
| Thông tin đầu ra | * Dữ liệu được tìm kiếm trong bảng invoice\_defects (không hiện các bản ghi có status là -1 )và invoice\_defect\_details theo đầu vào tìm kiếm   + Loại thông báo: tìm kiếm theo invoice\_defects.report\_type (nếu chọn tất cả thì ko tìm kiếm theo đk này)   + Trạng thái: invoice\_defects.status (nếu chọn tất cả thì không tìm kiếm theo điều kiện này)   + Từ ngày - đến ngày: tìm kiếm theo invoice\_defects.report\_date * Sắp xếp theo ngày thông báo mới nhất * Thông tin trên lưới:   + STT: tự tăng   + Mã giao dịch: invoice\_defects .transaction\_code   + Mẫu số: Ví dụ trong 1 giao dịch có 2 mẫu hóa đơn là 2/001 và 2/002 thì hiện 2 mẫu, cách nhau bằng dấu chấm phẩy ;. Còn nếu 2 hóa đơn cùng chung 1 mẫu là 2/001 thì chỉ hiện 1 mẫu là 2/001 (tìm kiếm trong invoice\_defect\_details.template\_name của tbss đang xét   + Ký hiệu:Ví dụ trong 1 giao dịch có 2 mẫu hóa đơn là 2/001 và 2/002 thì hiện 2 mẫu, cách nhau bằng dấu chấm phẩy ;. Còn nếu 2 hóa đơn cùng chung 1 mẫu là 2/001 thì chỉ hiện 1 mẫu là 2/001 (tìm kiếm trong invoice\_defect\_details.symbol theo tbss đang được xét)   + Số hóa đơn: Nếu 1 mã giao dịch có nhiều hóa đơn, sẽ hiển thị số hóa đơn cách nhau bằng dấu chấm phẩy (tìm kiếm trong invoice\_defect\_details.invoice\_shdon theo tbss đang được xét)   + Ngày thông báo: invoice\_defects .report\_date   + Loại thông báo: lấy từ invoice\_defects .report\_type, ứng với loại thông báo nào, hiển thị text tương ứng     - 0: Thông báo hủy/giải trình theo người nộp thuế     - 1: Thông báo hủy/giải trình theo thông báo của cơ quan thuế   + Trạng thái gửi CQT: lấy từ invoice\_defects .status, ứng với trạng thái nào, hiển thị text tương ứng     - 0: chưa gửi     - 1: đã gửi     - 2: gửi lỗi     - 3: không chấp nhận     - 4: chấp nhận     - 5: lỗi hệ thống.     - 6. Chấp nhận một phần   + Lý do: lấy từ invoice\_defects .transaction\_message   + Các nút chức năng ứng với các bản ghi trên lưới: * *Xem chi tiết thông báo:  mở form view chi tiết thông báo sai sót hóa đơn => gọi chức năng xem thông tin chi tiết* * *Xóa: chỉ enable khi trạng thái thông báo sai sót là chưa gửi => gọi chức năng xóa* * *Sửa => Chỉ hiển thị đối với các thông báo sai sót chưa gửi đi* * *Tải xuống xml => gọi chức năng tải xuống* * *Xem kết quả từ CQT => gọi chức năng xem kết quả từ CQT* * *Sao chép => gọi chức năng sao chép* * *Đồng bộ kết quả từ CQT: chỉ hiển thị khi bản ghi đã gửi đi và chưa có kết quả từ CQT => gọi sang chức năng đồng bộ kết quả từ CQT* |

# Chức năng Thêm mới

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng thêm mới tbss |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Trên form liệt kê, khách hàng chọn chức năng thêm mới   * + *Tên cơ quan thuế: (\*): ddl từ bảng tax\_authorities.name. Mặc định hiển thị tên cơ quan quản lý của theo đơn vị người dùng đang chọn tax\_authorities.name với id = invoice\_infomation.tax\_authority\_id theo id đơn vị đang được chọn, được chọn lại*   + *Người nộp thuế:(\*) mặc định là Tên hộ kinh doanh. invoice\_infomation.company\_name không cho sửa*   + *Mã số thuế:(\*) mặc định là MST của hộ kinh doanh. invoice\_infomation.taxcode. Không cho sửa*   + *Ngày thông báo (\*): mặc định là ngày hiện tại. được phép sửa*   + *Địa danh(\*): ddl lấy từ bảng provinces.code, mặc định lấy theo đơn vị đang được chọn từ bảng invoice\_infomation.org , được phép chọn lại*   + Loại thông báo (\*) dropdownlist gồm 2 giá trị: Thông báo hủy/giải trình của NNT/ Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT. Mặc định là Thông báo hủy/giải trình của NNT   + Số thông báo của CQT \*: (chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)   + Ngày thông báo của CQT \* (chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT)   + Các thông tin trên table nhập liệu bao gồm:     - STT: Tự động sinh từ 1 đến dòng cuối cùng của Thông báo. Nếu xóa dòng/thêm dòng thì update lại STT của các dòng còn lại.     - Chọn danh sách hóa đơn: * Hiển thị các hóa đơn có trạng thái hóa đơn đã phát hành ( trạng thái = 2,3,4,5) và có mã CQT và TrangThaiMTT = 0, 2. Nếu thực hiện chọn hóa đơn, thì trên sẽ load các thông tin: bên dưới các trường Mã CQT cấp, mã số, ký hiệu, số hóa đơn, ngày hóa đơn theo thông tin hóa đơn được chọn * Các hoá đơn đã chọn có cùng loại (Ví dụ HĐ bán hàng thông thường có cùng ký hiệu thứ tư là ‘T’, hoá đơn máy tính tiền có cùng ký hiệu thứ tư là ‘M’). Nếu người dùng tích chọn hoá đơn không cùng loại, hệ thống hiển thị cảnh báo “ Chỉ được phép lập thông báo sai sót cho hoá đơn cùng loại, vui lòng chọn lại” (hiển thị 3s)   + - Mã CQT cấp: Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.invoice\_transaction\_id, cho phép tự nhập, sửa     - mẫu số (\*): Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.template\_name, cho phép tự nhập, sửa     - Ký hiệu (\*): Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.symbol, cho phép tự nhập, sửa     - Số hóa đơn (\*): Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.invoice\_shdon, cho phép tự nhập, sửa     - Ngày hóa đơn (\*): Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.publish\_date, cho phép tự nhập, sửa     - Loại áp dụng hóa đơn điện tử (\*): dropdownlist gồm:       * Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (mặc định)       * Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC       * Hóa đơn đặt in theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP       * Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP     - Tính chất thông báo: tùy thuộc vào trạng thái của Hóa đơn để default trạng thái tương ứng, ví dụ HĐ gốc trạng thái là Bị thay thế thì tính chất là Thay thế. Dropdownlist gồm:       * Thay thế       * Điều chỉnh       * Hủy       * Giải trình     - Lý do: |
| Thông tin đầu ra | Thực hiện kiểm tra, các hóa đơn được chọn phải có cùng mẫu số và ký hiệu, nếu khác thì thông báo “Chỉ thực hiện gửi thông báo sai sót đối với các hóa đơn cùng mẫu số và ký hiệu”  Thực hiện thêm mới dữ liệu vào bảng invoice\_defects(Tình trạng: chưa gửi):   * enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn * tax\_authority\_id = id cơ quan thuế ứng với Tên cơ quan thuế được chọn trên form * tax\_authority\_name = tên cơ quan thuế được chọn trên form * report\_date = ngày thông báo trên form * person\_present = người nộp thuế trên form * taxcode = MST trên form * province\_code = địa danh trên form * report\_type = loại hóa đơn áp dụng, quy ra số   + 0: Thông báo hủy/giải trình theo người nộp thuế   + 1: Thông báo hủy/giải trình theo thông báo của cơ quan thuế * report\_tax\_code: số thông báo CQT * report\_tax\_date: ngày thông báo của CQT * status = 0 * creator\_id = updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * created\_date = updated\_date = now   invoice\_defect\_details(tất cả các hoá đơn, cột TrangThai = 0 (Chưa gửi))   * enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn * invoice\_defect\_id= id thông báo sai sót mới được thêm ở bước trên * invoice\_id = id nếu có hóa đơn được chọn * template\_name = cột mẫu số trên lưới * symbol = ký hiệu trên lưới * invoice\_transaction\_id = mã cơ quan thuế cấp trên lưới * invoice\_shdon = số hóa đơn trên lưới * publish\_date = ngày cấp hóa đơn trên lưới * apply\_type = loại áp dụng trên lưới   + =1 nếu Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (mặc định)   + =2 nếu Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC   + =3 nếu Hóa đơn đặt in theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP   + = 4 nếu Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP * property = tính chất được chọn trên lưới   + 0: hủy   + 1: Thay thế   + 2: điều chỉnh   + 3: giải trình * status =0 * notes = lý do trên lưới * creator\_id = updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * created\_date=updated\_date = now   Thực hiện thông báo “Thêm mới thông báo sai sót thành công” |

# Chức năng Sửa

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng sửa tbss |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Nút sửa chỉ hiện thị đối với bản ghi là chưa gửi đi: status = 0  Trên lưới liệt kê, khách hàng chọn chức năng sửa trên 1 bản ghi tbss  Thực hiện load thông tin từ bảng invoice\_defects và invoice\_defect\_details theo id bản ghi thông báo sai sót được chọn   * + *Tên cơ quan thuế: (\*): ddl từ bảng tax\_authorities.name. Mặc định hiển tax\_authorities.name theo* invoice\_defects.*tax\_authority\_id của bản ghi được chọn*   + *Người nôp thuế:(\*) mặc định là* invoice\_defects.*person\_present*   + *Mã số thuế:(\*) mặc định* invoice\_defects.taxcode*. Không cho sửa*   + *Ngày thông báo (\*): mặc định là* invoice\_defects.report\_date*. được phép sửa*   + *Địa danh(\*): ddl lấy từ bảng provinces.code, mặc định* invoice\_defects.org *, được phép chọn lại*   + Loại thông báo (\*) dropdownlist gồm 2 giá trị: Thông báo hủy/giải trình của NNT/ Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT. Mặc định là load theo invoice\_defects.report\_type   + Số thông báo của CQT \*: (chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT), mặc định là invoice\_defects.report\_tax\_code   + Ngày thông báo của CQT \* (chỉ hiển thị khi loại thông báo chọn là Thông báo hủy/giải trình của NNT theo thông báo của CQT), mặc định là invoice\_defects.report\_tax\_date   + Các thông tin trên table nhâp liệu bao gồm tất cả các bản ghi trên invoice\_defect\_details ứng với invoice\_defect\_id là id bản ghi tbss đang được chọn     - STT: Tự động sinh từ 1 đến dòng cuối cùng của Thông báo. Nếu xóa dòng/thêm dòng thì update lại STT của các dòng còn lại.     - Chọn danh sách hóa đơn: * Hiển thị các hóa đơn có trạng thái hóa đơn đã phát hành ( trạng thái = 2,3,4,5) và có mã CQT và TrangThaiMTT = 0, 2. Nếu thực hiện chọn hóa đơn, thì trên sẽ load các thông tin: bên dưới các trường Mã CQT cấp, mã số, ký hiệu, số hóa đơn, ngày hóa đơn theo thông tin hóa đơn được chọn * Các hoá đơn đã chọn có cùng loại (Ví dụ HĐ bán hàng thông thường có cùng ký hiệu thứ tư là ‘T’, hoá đơn máy tính tiền có cùng ký hiệu thứ tư là ‘M’). Nếu người dùng tích chọn hoá đơn không cùng loại, hệ thống hiển thị cảnh báo “ Chỉ được phép lập thông báo sai sót cho hoá đơn cùng loại, vui lòng chọn lại” (hiển thị 3s)   + - Mã CQT cấp: mặc định là invoice\_defect\_details. invoice\_transaction\_id. Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.invoice\_transaction\_id, cho phép tự nhập, sửa     - mẫu số (\*):mặc định là invoice\_defect\_details. invoice\_transaction\_id. Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.template\_name, cho phép tự nhập, sửa     - Ký hiệu (\*):mặc định là invoice\_defect\_details. invoice\_transaction\_id. Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.symbol, cho phép tự nhập, sửa     - Số hóa đơn (\*):mặc định là invoice\_defect\_details. invoice\_transaction\_id. Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.invoice\_shdon, cho phép tự nhập, sửa     - Ngày hóa đơn (\*):mặc định là invoice\_defect\_details. invoice\_transaction\_id. Nếu chọn 1 hóa đơn, thì load thông tin từ invoices.publish\_date, cho phép tự nhập, sửa     - Loại áp dụng hóa đơn điện tử (\*):mặc định là invoice\_defect\_details. apply\_type, dropdownlist gồm:       * Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (mặc định)       * Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC       * Hóa đơn đặt in theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP       * Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP     - Tính chất thông báo:mặc định là invoice\_defect\_details. property, tùy thuộc vào trạng thái của Hóa đơn để default trạng thái tương ứng, ví dụ HĐ gốc trạng thái là Bị thay thế thì tính chất là Thay thế. Dropdownlist gồm:       * Thay thế       * Điều chỉnh       * Hủy       * Giải trình     - Lý do:mặc định là invoice\_defect\_details. notes, |
| Thông tin đầu ra | Khi bấm lưu lại thì thực hiện hỏi “Bạn có chắc chắn muốn lưu lại những thay đổi của bản ghi?”  Nhấn hủy bỏ, thì quay lại form sửa  Nhấn đồng ý thì thực hiện cập nhật lại thông tin trên bảng  Thực hiện thêm mới dữ liệu vào bảng invoice\_defects(Tình trạng: chưa gửi):   * tax\_authority\_id = id cơ quan thuế ứng với Tên cơ quan thuế được chọn trên form * tax\_authority\_name = tên cơ quan thuế được chọn trên form * report\_date = ngày thông báo trên form * person\_present = người nộp thuế trên form * taxcode = MST trên form * province\_code = địa danh trên form * report\_type = loại hóa đơn áp dụng, quy ra số   + 0: Thông báo hủy/giải trình theo người nộp thuế   + 1: Thông báo hủy/giải trình theo thông báo của cơ quan thuế * report\_tax\_code: số thông báo CQT * report\_tax\_date: ngày thông báo của CQT * status = 0 * updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * updated\_date = now   invoice\_defect\_details(tất cả các hoá đơn, cột TrangThai = 0 (Chưa gửi))   * enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn * invoice\_defect\_id= id thông báo sai sót đang thực hiện sửa ở bước trên * invoice\_id = id nếu có hóa đơn được chọn * template\_name = cột mẫu số trên lưới * symbol = ký hiệu trên lưới * invoice\_transaction\_id = mã cơ quan thuế cấp trên lưới * invoice\_shdon = số hóa đơn trên lưới * publish\_date = ngày cấp hóa đơn trên lưới * apply\_type = loại áp dụng trên lưới   + =1 nếu Hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (mặc định)   + =2 nếu Hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC   + =3 nếu Hóa đơn đặt in theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP   + = 4 nếu Hóa đơn đặt in theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP * property = tính chất được chọn trên lưới   + 0: hủy   + 1: Thay thế   + 2: điều chỉnh   + 3: giải trình * status =0 * notes = lý do trên lưới * updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * updated\_date = now   Thực hiện thông báo “Sửa thông báo sai sót thành công” |

# Chức năng gửi thông báo sai sót

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Chỉ hiển thị nút gửi tbss với các bản ghi có trạng thái là 0 (chưa gửi) |
| Thông tin đầu ra | Hiển thị popup danh sách chứng thư của đơn vị đã đăng ký với cơ quan thuế bảng **certificates** theo enterprise\_id= id đơn vị đang được chọn và register\_type= 1, status=2. Nếu có dữ liệu thì hiển thị   * STT: Radio buton, tức là trong 1 danh sách, người dùng chỉ được phép chọn 1 * Tên đơn vị: cert\_subject * Serial chứng thư: serrial\_number * Ngày hiệu lực của chứng thư: start\_date * Ngày hết hạn của chứng thư: expration\_date * Tình trạng sử dụng status: 0: bản nháp, 1: đã đăng ký: 2: đã được phê duyệt,3: bị từ chối. * Loại chứng thư:certificate\_type 1: smart CA, 2: Token * Nhà cung cấp: provider   Khi chọn 1 bản ghi, nhấn nút tiếp tục hệ thống sẽ xem loại chứng thư là smart CA hay token để xử lý, nếu token thì chuyển sang bước 1; nếu là smart CA thì chuyển bước 2  Bước 1: Gọi API **Inv\_PSGetHashInvNoticeErrors (** [**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.yrzdvf8xnoki**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.yrzdvf8xnoki) **)** để lấy xem chứng thư còn hạn hay không, nếu còn hạn thì lấy hashValue để ký:  Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Lấy chuỗi ký bằng token không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>  Trường hợp API trả về thành công   * Kiểm tra người dùng đã cài plugin đọc chứng thư chưa, nếu chưa cài thì yêu cầu down xuống để cài plugin * Nếu cài rồi thì chọn chứng thư số tương ứng và gọi hàm Ký hasvalue trên api trên trả về, và sinh ra chuỗi base64, và thực hiện gọi API **Inv\_PSSendInvNoticeErrorsWidthToken (** [**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.2nq2v3z8v2f4**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.2nq2v3z8v2f4) **)** để hoàn tất gửi thông báo sai sót.   + Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Ký thông báo sai sót bằng token không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>   + Trường hợp API trả về thành công thì:     - cập nhật thông tin vào bảng **invoice\_d**efects theo id bản ghi tbss vừa gửi lưu mã thông điệp vào transaction\_code = mtd trả về trên API và cập status = 1 (đã gửi)     - Cập nhật thông tin vào bảng **invoice\_d**efect\_details theo id bản ghi tbss vừa gửi, status = 1     - Thông báo: Gửi thông báo sai sót thành công   Bước 2: Gọi API **Inv\_PSGetHashInvNoticeErrorsWithSmartCA (** [**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.8uovthdh26m2**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.8uovthdh26m2) **)**  để kiểm tra xem chứng thư còn hạn hay không?  Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Lấy chuỗi ký bằng smartCA không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>  Trường hợp API trả về thành công thì lấy hashValue để ký   * Hiển thị form nhập user name/pass. Gọi API để lấy thông tin chứng thư. Và thực hiện ký trên chuỗi Gọi API ký trên smart CA để ký trên chuỗi. Khi người dùng confirm chữ ký xong. Gọi API **Inv\_PSSendInvNoticeErrorsWithSmartCA (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.6m4t7sy9b1l0**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.6m4t7sy9b1l0) **)** để hoàn thành gửi thông báo sai sót.   + Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Ký thông báo sai sót bằng smartCA không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>   + Trường hợp API trả về thành công thì:     - cập nhật thông tin vào bảng **invoice\_d**efects theo id bản ghi tbss vừa gửi lưu mã thông điệp vào transaction\_code = mtd trả về trên API và cập status = 1 (đã gửi)     - Cập nhật thông tin vào bảng **invoice\_d**efect\_details theo id bản ghi tbss vừa gửi, status = 1     - Thông báo: Gửi thông báo sai sót thành công |
|  |  |

# Chức năng đồng bộ kết quả từ CQT

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Chỉ hiển thị đối với các bản ghi có tình trạng là đã gửi (status =1) |
| Thông tin đầu ra | *Sau khi gửi đến cơ quan thuế thành công, tự động cập nhật Mã CQT cấp cho thông báo sai sót hóa đơn.* **Inv\_PSReceivedInvoiceErrors (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.pulmiukct0b**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.pulmiukct0b) **với username**= **config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn**, **password**= **config\_invoices.password với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn**, **Mtd = invoice\_d**efects**.transaction\_code của bản ghi đang được đồng bộ)** *.*   * + Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Đồng bộ kết quả từ CQT không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>   + Trường hợp API trả về thành công thì: * Nếu API trả về OK:mtd (không có dấu hai chấm : và danh sách hóa đơn đằng sau). thì cập nhật trạng thái = 4, Kết quả trả về là Chấp nhận,   + cập nhật bảng **invoice\_d**efects. status = 4   + cập nhật bảng **invoice\_d**efect\_details , status = 4 * Nếu API trả về OK:mtd:danh sách list hóa đơn thì check tiếp (cấu trúc danh sách hóa đơn là các hóa đơn, cách nhau bởi dấu ; ví dụ 2\_C23TNT\_35;2\_C23TNT\_34;2\_C23TNT\_33)   + Thực hiện kiểm tra nếu số lượng hóa đơn trong thông báo sai sót gửi đi = số lượng hóa đơn trả về trong danh sách list hóa đơn thì thực hiện cập nhật bảng **invoice\_d**efects cột status = 3 (không chấp nhận); transaction\_message= danh sách hóa đơn đằng sau mã thông điệp. và Cập nhật bảng **invoice\_d**efect\_details cột status= 3 tất cả các bản ghi hoá đơn;   + Nếu số lượng hóa đơn trong thông báo sai sót gửi đi lớn hơn số lượng hóa đơn api trả về thì thực hiện cập nhật bảng **invoice\_d**efects cột status = 6(Chấp nhận một phần); transaction\_message= danh sách hóa đơn đằng sau mã thông điệp. Cập nhật bảng **invoice\_d**efect\_details cột status= 3 (không chấp nhận) đối với các bản ghi hoá đơn có trong danh sách list trả về, status= 4 (chấp nhận) đối với các hoá đơn không có trong danh sách list hoá đơn trả về. * Nếu API trả về kết quả chi tiết ứng với mã ERR:4 cập nhật KetQuaThueTraVe = “Chưa có kết quả thuế trả về, trạng thái chi tiết chưa được cập nhật”, không cập nhật trạng thái |

# Chức năng tải xuống xml

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Chỉ hiển thị đối với các bản ghi có tình trạng là đã gửi, chấp nhận, chấp nhận một phần, không chấp nhận (status = 1,3,4,6) |
| Thông tin đầu ra | * gọi API bên hóa đơn điện tử để hiển thị **Inv\_PSGetTransactionDetail (** [**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.ojexo25vnq5l**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.ojexo25vnq5l) **với username = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn, password = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn, Mtd**= **invoice\_d**efects.transaction\_code của bản ghi tbss đang được chọn**)**     Lấy bản ghi đầu tiên đã nhận step = 0 để lấy id trả về  Thực hiện cho phép người dùng tải xuống file xml với tên file là <mtd>.xml |

# Chức năng xem thông tin chi tiết

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Chỉ hiển thị đối với các bản ghi có tình trạng là đã gửi, chấp nhận, chấp nhận một phần, không chấp nhận (status = 1,3,4,6) |
| Thông tin đầu ra | * gọi API bên hóa đơn điện tử để hiển thị **Inv\_PS**[PrintNoticeInvError](https://0800385944-tt78cadmin.vnpt-invoice.com.vn/PublishService.asmx?op=PrintNoticeInvError) **(**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.vx4i8hrimsbt**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.vx4i8hrimsbt) **với username = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn, password = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn,** Mtdiep= **invoice\_d**efects.transaction\_code của bản ghi tbss đang được chọn**)** * Hiển thị view thông báo sai sót, có chức năng tải xuống dạng file pdf (convert dữ liệu trả về cho khách hàng dưới dạng file) |

# Chức năng xem kết quả từ CQT

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng |
| Thông tin đầu ra | * gọi API bên hóa đơn điện tử để hiển thị **Inv\_PS**[PrintNoticeInvErrorCQT](https://0100182674-tt78cadmin.vnpt-invoice.com.vn/PublishService.asmx?op=PrintNoticeInvErrorCQT) **(** [**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.j1yfdsr3w7eq**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.j1yfdsr3w7eq) **với username = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn, password = config\_invoices.username với enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn,** Mtdiep= **invoice\_d**efects.transaction\_code của bản ghi tbss đang được chọn**)** * Hiển thị view thông báo sai sót, có chức năng tải xuống dạng file pdf (convert dữ liệu trả về cho khách hàng dưới dạng file) |

# Chức năng sao chép

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Trên lưới liệt kê, chọn 1 bản ghi và chọn chức năng sao chép |
| Thông tin đầu ra | Thực hiện lấy bản ghi được chọn, để lưu thông tin vào bảng  **invoice\_d**efects: các thông tin tương tự như trường thông tin của bản ghi được chọn để sao chép, lưu ý các thông tin sau cần set lại:   * status = 0 * transaction\_code=transaction\_message = null * creator\_id = updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * created\_date = updated\_date = now   **invoice\_d**efect\_details: các thông tin tương tự như trường thông tin của bản ghi được chọn để sao chép, lưu ý các thông tin sau cần set lại   * status = 0 * creator\_id = updater\_id = id người dùng đang đăng nhập * created\_date = updated\_date = now   Thực hiện thông báo “Sao chép thông báo sai sót thành công” |

# Chức năng xóa

Tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem ds hóa đơn từ Invoice |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng  Chỉ hiển thị nút xóa đối với các bản ghi chưa gửi hoặc gửi lỗi (status = 0 hoặc 2) |
| Thông tin đầu ra | Hiển thị câu xác nhận NSD xóa hay không “Bạn có chắc chắn muốn xóa bản ghi?”  Nếu người dùng nhấn hủy bỏ thì đóng popup và quay lại lưới liệt kê  Nếu người dùng nhấn Đồng ý thì thực hiện xóa bản ghi trong **invoice\_d**efect\_details theo id bản ghi tbss đang được chọn và xóa bản ghi trong **invoice\_d**efects  Thực hiện thông báo “Xóa thông báo sai sót thành công” |